TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1031/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, nơi cư trú: Số 11/47 T, Quận L, Hải Phòng và bà Nguyễn Thị S, nơi cư trú: 21/71 V, phường N, Quận L, thành phố Hải Phòng

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Phạm Văn H (Giấy ủy quyền ngày 08/01/2018), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T

Nơi cư trú: Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền cho ông T là bà Phạm Thị D, nơi cư trú: Tổ 9 phường B, quận K, thành phố Hải Phòng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/01/2018), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị D, nơi cư trú: Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Nhà số 1232 Đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Lã Viết N – Công ty luật N – Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K có 01 người con nuôi là Nguyễn Thị T và 03 con đẻ là Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị T được hai cụ nuôi từ nhỏ đến khi lớn lên xây dựng gia đình riêng, việc này được tất cả mọi người trong gia đình đều thừa nhận. Cụ Nguyễn Thị K chết ngày 16 tháng 02 năm 2012; cụ Nguyễn Văn Q chết ngày 03 tháng 12 năm 2015; ông Nguyễn Văn S chết năm 1971, không có vợ con. Cụ Q, cụ K khi chết không để lại di chúc.

Trong thời gian chung sống, cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 303592-8 (9) tại Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình sử dụng, năm 2001 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H phần diện tích đất khoảng 140m^2 đo thực tế là 146,7m^2, phần diện tích này được mô tả trong Khu A trích đo hiện trạng sử dụng đất; năm 2003 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đức N phần diện tích khoảng 90m^2, thực tế là 89,75m^2, phần diện tích này nằm ở giữa, có kích thước: phần giáp mặt đường đi ra đường Cựu Viên, và giáp đất ông Nguyễn Văn T, dài 4,5m; chiều dài thửa đất là 20m.

Nằm giữa phần đất các cụ Q, cụ K quản lý, sử dụng có phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T được xây dựng trong khuôn viên, theo Hội đồng định giá khảo sát, xác định là 30,20m^2. Phần mộ này của gia đình ông T đã có từ lâu, trước khi cụ Q, cụ K sống tại đó.

Hội đồng định giá đã tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế, xác định toàn bộ diện tích đất là là 901m^2, trong đó có phần đất do các cụ Q, cụ K quản lý sử dụng và phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T có diện tích khoảng 30,20m^2. Quá trình quản lý, sử dụng các cụ đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H 146,7m^2, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức N 89,75m^2. Như vậy di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại là 901, 50m^2 – 146,70m^2- 89,75m^2 – 30,20m^2 = 634,85m^2.

Quá trình hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, các bên đã thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế là:

- Bà Nguyễn Thị T được chia phần diện tích 180m^2, có kích thước: Phía Tây Bắc giáp đường đi ra Cựu Viên, dài 9,5m, hướng Đông Bắc giáp đường ngõ dài 18,8m, phía giáp ngõ bà D, ông T dài 9,5m và phần giáp đất anh Phạm Khắc D dài 18,8m.

- Bà Nguyễn Thị S được phân chia phần diện tích khoảng 140m^2 (trong đó có phần diện tích đất chứa phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T) có kích thước: Phía Tây Bắc giáp đường đi ra đường Cựu Viên, dài 12,7m; phía giáp phần

đất có khu mộ (giáp đất ông Nguyễn Văn H) dài 10,10m; một phía giáp đất ông Phạm Khắc D, một phía giáp đất nhà thờ chính.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D nhận phần đất còn lại và nhà thờ chính cùng các công trình khác xây dựng trên đất.

Do ông T, bà D thay đổi thỏa thuận, do vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế như sau:

- Bà Nguyễn Thị T nhận được chia phần diện tích 174,8m^2, có vị trí: Phía Tây Bắc giáp đường đi ra Cựu Viên; phía Đông Bắc giáp đường ngõ đi chung; một phía giáp ngõ bà D, ông T và phần giáp đất anh Phạm Khắc D.

- Bà Nguyễn Thị S nhận được chia phần diện tích khoảng 104m^2, Phía Tây Bắc giáp đường đi ra đường Cựu Viên, một phía giáp phần đất khu mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T; một phía giáp đất ông Phạm Khắc D, một phía giáp đất nhà thờ chính. Sau khi được chia đất, bà sẽ nhượng lại cho gia đình ông Nguyễn Văn T phần diện tích khoản 22m^2 để làm nơi thắp hương mộ phần.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D nhận phần đất còn lại có nhà thờ chính cùng các công trình khác xây dựng trên đất.

Đối với tài sản trên đất, vào phần đất của ai thì người đó được hưởng, nguyên đơn không yêu cầu xác định giá và tính giá trị đối với phần tài sản này.

Đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các bản khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K có 01 người con nuôi là bà Nguyễn Thị T, bà T được hai cụ chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến khi lớn lên bà T xây dựng gia đình và ra ở riêng; hai cụ có 03 người con đẻ là Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S. Cụ Nguyễn Văn Q chết ngày 03 tháng 12 năm 2015, cụ Nguyễn Thị K chết ngày 16 tháng 02 năm 2012; ông Nguyễn Văn S chết năm 1971, không có vợ con. Cụ Q, cụ K khi chết không để lại di chúc.

Trong thời gian chung sống, cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 303592-8 (9) tại Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình quản lý, sử dụng, năm 2001 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H phần diện tích đất khoảng 146,70m^2; năm 2003 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đức N phần diện tích 89,75m^2, phần diện tích này nằm ở giữa, có kích thước: phần giáp mặt đường đi ra đường Cựu Viên, và giáp đất ông Nguyễn Văn T, dài 4,5m; chiều dài thửa đất là 20m. Khi còn sống cụ Q và cụ K có nguyện vọng cho bà T, bà S mỗi người khoảng 100m^2 đất nhưng chưa làm văn bản giấy tờ, các bà T, S cũng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ đăng ký tại sổ do Ủy ban nhân phường B, quận K quản lý.

Hội đồng định giá đã tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế, xác định tổng diện tích thửa đất trong đó xác định phần diện tích đất do cụ Q, cụ K quản lý, sử dụng và phần diện tích có chứa các mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T (các bên thừa nhận có diện tích là 30,20m^2). Quá trình quản lý, sử dụng các cụ đã chuyển nhượng

cho ông Nguyễn Văn H khoảng 140m^{2,}, đo thực tế là 146,70m^2, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức N khoảng 90m^2, đo thực tế là 89,75m$^{2=}$. Như vậy di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại là 901,50m^2 – 146,70m^2- 89,75m^2 – 30,20m^2 = 634,85m^2.

Quá trình hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, các bên đã thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế là:

- Bà Nguyễn Thị T được chia phần diện tích 180m^2 đất, có kích thước: Phía Tây Bắc giáp đường đi ra Cựu Viên, dài 9,5m, hướng Đông Bắc giáp đường ngõ dài 18,8m, phía giáp ngõ bà D, ông T dài 9,5m và phần giáp đất anh Phạm Khắc D dài 18,8m.

- Bà Nguyễn Thị S được phân chia phần diện tích khoảng 140m^2 (trong đó có phần diện tích đất chứa các phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T) có kích thước: Phía Tây Bắc giáp đường đi ra đường Cựu Viên, dài 12,7m; phía giáp phần đất có khu mộ (giáp đất ông Nguyễn Văn H) dài 10,10m; một phía giáp đất ông Phạm Khắc D, một phía giáp đất nhà thờ chính.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D nhận phần đất còn lại và nhà thờ chính cùng các công trình khác xây dựng trên đất.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải thành, ông T và bà D thay đổi thỏa thuận, không đồng ý với Biên bản hòa giải thành tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, không đồng ý việc bà T, bà S được phân chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Trường trình bày: Gia đình ông có các phần mộ nằm giữa phần diện tích đất của cụ Q, cụ K. Các phần mộ này đã có từ trước khi cụ Q, cụ K về đó sinh sống. Các phần mộ này nằm trên diện tích khoảng 28 m^2, theo Hội đồng định giá xác định là 30,20m^2, ông không có ý kiến gì. Từ trước đến nay, gia đình ông vẫn đến chăm sóc, quản lý các phần mộ này, không có bất cứ tranh chấp gì đối với cụ Q, cụ K và vợ chồng ông T, bà D. Các phần mộ này nằm tiếp giáp phần đất do cụ Q, cụ K chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H. Các phần mộ nằm trên diện tích đất do Hội đồng định giá xác định có diện tích là 30,20m^2 do gia đình ông quản lý, sử dụng, không thuộc di sản thừa kế của cụ Q, cụ K.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh bổ sung tài liệu chứng cứ, có bài phát biểu kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Văn T là bị đơn. Ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng đương sự: Đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên: Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá lại tài sản, xác định lại diện tích phần mộ của gia đình ông Trường theo đề nghị của Kiểm sát viên là không thể thực hiện được do bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan quản lý tài sản chống đối, không hợp tác; tài liệu có trong hồ sơ thể hiện di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại chưa có việc chuyển nhượng cho bà T, bà S, toàn bộ diện tích đất đều do ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Phạm Thị D quản lý sử dụng, chưa có việc chia cho các đồng thừa kế. Do yêu cầu của Kiểm sát viên là không thể thực hiện được, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Về thời điểm mở thừa kế:Theo quy định tại Điều 633 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản do cụ K để lại là ngày 16/02/2012 - ngày cụ K chết; thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản do cụ Q để lại là ngày 03/12/2015 – là ngày cụ Q chết. Địa điểm mở thừa kế tại Tổ 9, phường B, quận K, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[5] Về di chúc: Cụ Nguyễn Thị K, cụ Nguyễn Văn Q chết không để lại di chúc, do vậy theo quy định tại Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005, Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật.

[6] Về hàng thừa kế: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Bà Nguyễn Thị T được vợ chồng cụ Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến khi bà T đi lấy chồng. Tình tiết này được các bên thừa nhận, do vậy theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bà Nguyễn Thị T đương nhiên được hưởng thừa kế tài sản của cụ Q, cụ K để lại, do đó không cần xác định bà Nguyễn Thị T là con nuôi hay con đẻ của các cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị T vẫn đương nhiên được hưởng di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S. Do ông Nguyễn Văn S đã chết năm 1971, không có vợ con nên hàng thừa kế thứ nhất chỉ có 03 người là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S.

[7] Về phần diện tích đất có các mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T: Nằm giữa phần diện tích đất cụ Q, cụ K là diện tích đất có các phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T đã chôn tại đó từ trước khi cụ Q, cụ K sống tại đó và được các bên thừa nhận. Quá trình đo đạc, khảo sát, các bên đều thừa nhận diện tích đất nêu trên là 30,20m^2 và không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy xác định gia đình ông Nguyễn Văn T có phần mộ được xây dựng trên phần diện tích đất là 30,20m^2, tiếp giáp phần đất cụ Q, cụ K đã bán cho ông Nguyễn Văn H, phần diện tích này không thuộc di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại.

[8] Về di sản và kỷ phần thừa kế: Trong thời gian chung sống, cụ Nguyễn Văn Q và cụ Nguyễn Thị K được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 32, tờ bản đồ số 303592-8 (9) tại Tổ 9, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình quản lý, sử dụng, năm 2001 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H phần diện tích đất khoảng 146,70m^2; năm 2003 các cụ đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đức N phần diện tích 89,75m^2, phần diện tích này nằm ở giữa, có kích thước: phần giáp mặt đường đi ra đường Cựu Viên, và giáp đất ông Nguyễn Văn T, dài 4,5m; chiều dài thửa đất là 20m. Hội đồng định giá đã tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế, xác định diện tích đất do cụ Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị K quản lý, sử dụng là 901m^2 bên trong diện tích đó có diện tích đất có các mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T, các đương sự thừa nhận là 30,20m^2, thực tế đất của cụ Q, cụ K là 901,50m^2-30,20m^2 =871,30m^2. Quá trình quản lý, sử dụng các cụ đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H 146,70m^2, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức N 89,75m^2. Như vậy di sản thừa kế do cụ Q, cụ K để lại là 871,3m^2 – 146,7m^2-89,75m^2 = 634,85m^2 đất thổ cư cùng với nhà thờ chính.

[9] Về phương án phân chia di sản: Do các bên không thỏa thuận được với nhau về phân chia di sản thì những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau. Phần di sản thừa kế là 634,85m^2 đất thổ cư được phân chia làm 03 phần bằng nhau, theo đó bà T, bà S, ông T mỗi người được hưởng 211,62m^2 đất. Do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T chỉ nhận được phân chia 174,8m^2 đất, thấp hơn so với kỷ phần thừa kế được hưởng; bà Nguyễn Thị S chỉ nhận được phân chia 104m^2, thấp hơn so với kỷ phần thừa kế được hưởng. Tổng số diện tích đất mà bà T, bà S được chia là 278,8m^2. Phần diện tích đất còn lại có nhà thờ chính và nhà đất do gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng có tổng diện tích là 356,05m^2, theo quy định của pháp luật thì ông Nguyễn Văn T chỉ được hưởng kỷ phần là 211,62m^2, tuy nhiên các đồng nguyên đơn đã thống nhất do ông T, bà D có công quản lý di sản do vậy phần diện tích đất chênh lệch so với kỷ phần thừa kế là 144,43m^2 được tính là công sức quản lý di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D. Đối với tài sản là nhà thờ chính và các công trình xây dựng trên đất đều do vợ chồng ông T bà D quản lý, sử dụng nên đồng nguyên đơn không yêu cầu xác định giá trị mà để lại toàn bộ cho ông T, bà D. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Q, cụ K để lại theo phương án phân chia như nêu trên. Xét thấy phương án phân chia di sản thừa kế của đồng nguyên đơn phù hợp với nội dung Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành ngày 06/02/2018 tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, có lợi cho người đang trực tiếp quản lý di sản cần được chấp nhận.

[10] Về ý kiến của bà Nguyễn Thị S trong việc nhượng lại cho gia đình ông Nguyễn Văn T khoảng 22m^2 đất sau khi đã được phân chia, đây là quyền của bà Nguyễn Thị S. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà S có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bà T, bà S, ông T, bà D là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí do vậy căn cứ điểm Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D. Trả lại bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí do bà S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 633, 634, 635, 638, 674, 675, 676, 679, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S.

2. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T được quản lý sử dụng 174,80m^2 đất;

2.2. Bà Nguyễn Thị S được quản lý sử dụng diện tích 104m^2 đất:

2.3. Xác định công sức quản lý di sản của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D là 144,43m^2 đất. Ông Nguyễn Văn T được quản lý sử dụng 211,62m^2 đất. Tổng cộng diện tích đất ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D được chia là 211,62m^2 + 144,43m^2 = 356,05m^2 đất và các công trình trên đất;

Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị S, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D và phần diện tích đất có các phần mộ của gia đình ông Nguyễn Văn T có sơ đồ kèm theo.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D. Trả lại bà Nguyễn Thị S 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí do bà S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010100 ngày 05 tháng 01 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn

Văn T, bà Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.